

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2022

V/v Kiện xin ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tùng Mận
2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Y Khang Êban - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 732/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “Kiện xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX - ST ngày 08/3/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/20022/QĐ-HNGĐ ngày 25/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Vĩnh Ph, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: 35 NTT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 35 NTT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trương Vĩnh Ph trình bày:

Tôi và chị Lê Thị Ngọc G tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và ngày 30/12/2009.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp, vợ chồng không cùng chung tiếng nói, chị Lê Thị Ngọc G không quan tâm đến chồng con. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Nên tôi có nguyện vọng được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc G.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung: cháu Trương Quân B, sinh ngày 13/01/2004; cháu Trương Huỳnh Bảo A, sinh năm 14/06/2007; cháu Trương Huỳnh Khởi M, sinh ngày 19/5/2016. Các cháu đang ở với tôi. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trương Huỳnh Bảo A và cháu Trương Huỳnh Khởi M cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Giàu cấp dưỡng nuôi con chung, riêng cháu Trương Quân B đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Lê Thị Ngọc G cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tôn trọng và niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị Ngọc G theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng chị Lê Thị Ngọc G đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và các đương đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 Điều Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 nghị quyết của UBTWQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Vĩnh Ph. anh Trương Vĩnh Ph được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc G.

Về con chung: Giao cháu Trương Huỳnh Bảo A, sinh năm 14/06/2007, cháu Trương Huỳnh Khởi M, sinh ngày 19/5/2016 cho anh Anh Trương Vĩnh Ph nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Về án phí: Anh Trương Vĩnh Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Vĩnh Ph và chị Lê Thị Ngọc G tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật

tại UBND phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 30/12/2009. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình điều tra anh Trương Vĩnh Ph xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên ly thân nhau. Do đó đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị Lê Thị Ngọc G.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng anh Trương Vĩnh Ph và chị Lê Thị Ngọc G có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay không còn chung sống với nhau, nay anh Trương Vĩnh Ph xin được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc G, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa anh Trương Vĩnh Ph và chị Lê Thị Ngọc G không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của Anh Trương Vĩnh Ph xin ly hôn chị Lê Thị Ngọc G là phù hợp theo điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung; Anh Trương Vĩnh Ph và chị Lê Thị Ngọc G có 03 con chung: cháu Trương Quân B, sinh ngày 13/01/2004; cháu Trương Huỳnh Bảo A, sinh năm 14/06/2007; cháu Trương Huỳnh Khởi M, sinh ngày 18/5/2016 đang ở với anh Ph. Do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của anh Ph và nguyện vọng của các cháu, giao hai con chung là cháu Trương Huỳnh Bảo A, sinh năm 14/06/2007; cháu Trương Huỳnh Khởi M, sinh ngày 19/5/2016 cho anh Ph nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu B đã đủ tuổi thành niên nên ở với ai là quyền các cháu. Chị Lê Thị Ngọc G được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung là phù hợp, về cấp dưỡng nuôi con anh Ph không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Trương Vĩnh Ph phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Vĩnh Ph. Anh Trương Vĩnh Ph được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc G.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Trương Huỳnh Bảo A, sinh năm 14/06/2007; cháu Trương Huỳnh Khởi M, sinh ngày 19/5/2016 cho anh Trương Vĩnh Ph trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Cháu Trương Quân B đã đủ tuổi thành

niên nên ở với ai là quyền của cháu. Chị Lê Thị Ngọc G được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Vĩnh Ph không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trương Vĩnh Ph phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0009652 ngày 09/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Kiên